

Bản án số: **419/2021/HNGĐ-ST**  
Ngày: 08/10/2021  
V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Trúc Mai.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Đức Duy.

2. Bà Huỳnh Thị Ngọc Thuận

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Đông – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 235/2021/TLST-HNGĐ ngày 14/4/2021 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/6/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1986;

Địa chỉ: ấp VP, xã VK, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* **Võ Thanh P**, sinh năm 1978;

Địa chỉ: ấp VT, xã VK, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

(chị H có mặt; anh P vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai cùng ngày 30/3/2021, nguyên đơn Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và anh Võ Thanh P chung sống với nhau vào năm 2004, đăng ký kết hôn vào năm 2004 tại UBND xã VK, huyện CT, tỉnh Tiền Giang. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, do anh P không còn quan tâm, chăm sóc gia đình, không phụ giúp chị nuôi con. Từ đó, làm cho vợ chồng xảy ra xung đột, cãi nhau. Từ cuối năm 2016, chị và anh P sống ly thân cho đến nay.

Nay, chị nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Nhật T, sinh ngày 04/02/2009 và Võ Bích N, sinh ngày 02/7/2013. Hiện các con đang sống với chị H. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung; yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đồng/tháng/02 con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

*\* Bị đơn anh Võ Thanh P vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, mặc dù anh đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham dự các phiên hòa giải, công khai chứng cứ, tham dự phiên tòa sơ thẩm.*

#### **Tại phiên tòa hôm nay:**

Chị H chỉ thay đổi yêu cầu liên quan đến mức cấp dưỡng nuôi con, cụ thể chị yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi mỗi con chung là 500.000đồng/tháng, thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật; các yêu cầu khởi kiện khác chị vẫn giữ nguyên.

Anh P vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang trình bày ý kiến: *Về phần thủ tục*, kể từ thời điểm thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành và tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

*Về việc giải quyết vụ án*, trên cơ sở phân tích các quy định pháp luật, đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn nhiều lần vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham dự phiên tòa. Căn cứ vào Khoản 2

Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt anh P.

Đối với việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của chị H, xét thấy là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] *Về quan hệ tranh chấp*: Trên cơ sở yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp “Ly hôn”.

[3] *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị H và anh Võ Thanh P xác lập quan hệ hôn nhân hợp pháp, được Ủy ban nhân dân xã VK, huyện CT, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 367 ngày 29/7/2004.

Tại phiên tòa, chị H trình bày nguyên nhân chính dẫn đến việc chị yêu cầu ly hôn với anh P là do anh P không biết lo cho gia đình, mọi chi tiêu trong gia đình và chi phí lo cho các con chủ yếu do chị gánh vác. Anh P có công việc và thu nhập ổn định, nhưng thường anh giữ lại chi tiêu cho cá nhân anh, thỉnh thoảng vài tháng cho hai con được vài trăm ngàn. Sự việc này kéo dài nhiều năm (từ năm 2014 cho đến nay), chị có thắc mắc với anh P nhưng tình hình không cải thiện tốt hơn, dần dần anh chị không còn tiếng nói chung, không còn cùng nhau chia sẻ mọi mặt trong đời sống vợ chồng. Từ đó, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị và anh P ly thân gần 10 năm nay. Hiện tại chị không còn tình cảm với anh P, nên mong muốn được ly hôn với anh.

Đối với anh P, mặc dù Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập anh tham dự các phiên hòa giải, công khai chứng cứ, tham dự phiên tòa, các tài liệu chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện của chị H, nhưng anh đều vắng mặt và cũng không có bất kỳ văn bản nào để trình bày ý kiến của anh đối với các yêu cầu khởi kiện của chị H. Từ đó cho thấy, anh P không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, không muốn duy trì quan hệ hôn nhân với chị H.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét yêu cầu của chị H xin được ly hôn anh P là có cơ sở, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về con chung*: Anh chị có 02 con chung tên **Võ Nhựt T**, sinh ngày 04/02/2009 và **Võ Bích N**, sinh ngày 02/7/2013. Xét thấy, từ khi ly thân đến nay, 02 con chung do chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; các con chung cũng có nguyện vọng được sống với chị khi chị và anh P ly hôn (bút lục 11, 12); hơn nữa chị H có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, anh P thường không có mặt ở địa phương, thỉnh thoảng anh có về thăm nhà (bút lục 18, 26). Từ đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào

Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, quyết định giao 02 con chung cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc đến tuổi trưởng thành.

Sau khi ly hôn, anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung theo luật định mà không ai được cản trở, theo quy định tại Khoản 1 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung:

Căn cứ vào điều kiện kinh tế của anh P, chị H yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 500.000đồng/tháng, thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Xét đây là sự tự nguyện của chị H và đảm bảo phần nào quyền lợi cho các con chung nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, Khoản 2 Điều 82, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu này của chị H.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang phù hợp với những nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Chị H và anh P phải chịu án phí theo quy định tại điểm a Khoản 5 và điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228; Khoản 1 Điều 244; Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 56; Khoản 1 và Khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng điểm a Khoản 5 và điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Võ Thanh P.

- Về con chung: Giao 02 con chung tên **Võ Nhựt T**, sinh ngày 04/02/2009 và **Võ Bích N**, sinh ngày 02/7/2013 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc đến tuổi trưởng thành. Sau khi ly hôn, anh P có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung theo luật định, mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh P phải cấp dưỡng nuôi các con chung với số tiền là 500.000đồng/tháng/con; thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét.

2/ Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000đồng tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004199 ngày 12/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, chị đã nộp xong án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Anh P phải chịu 300.000đồng án phí cấp dưỡng.

3/ Quyền kháng cáo: Chị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Vĩnh Kim, H. Châu Thành;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

**HUỲNH THỊ TRÚC MAI**